UBND TỈNH HÀ TĨNH **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3300 /STP-VP V/v đề xuất nội dung thảo luận tại Hội nghị tổng kết công tác tư pháp năm 2026	*Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Văn bản số 9169/BTP-VP ngày 16/11/2026 của Bộ Tư pháp về việc đề xuất nội dung thảo luận tại Hội nghị tổng kết công tác tư pháp năm 2026, trên cơ sở thực tiễn triển khai hiện nhiệm vụ, Sở Tư pháp Hà Tĩnh báo cáo các nội dung như sau:

I. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT CÁC NỘI DUNG CẦN TẬP TRUNG THẢO LUẬN TẠI HỘI NGHỊ

1. Lĩnh vực xây dựng pháp luật

1.1. Về việc kiểm soát thủ tục hành chính nội bộ trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Tại Điều 7 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) quy định TTHC nội bộ trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) phải thực hiện đánh giá tác động và bảo đảm các bộ phận cấu thành theo quy định. Tuy nhiên, qua bước đầu triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị còn gặp khó khăn trong việc xác định TTHC nội bộ, đánh giá tác động và quy định các bộ phận cấu thành của TTHC nội bộ, nhất là đối với các quy trình phối hợp, giải quyết công việc giữa các cơ quan hành chính nhà nước, do có những đặc thù khác với TTHC áp dụng đối với người dân, doanh nghiệp.

Đề nghị Bộ Tư pháp bố trí chuyên đề thảo luận, hướng dẫn cụ thể về việc nhận diện TTHC nội bộ, phương pháp đánh giá tác động và cách thức quy định các bộ phận cấu thành của TTHC nội bộ trong dự thảo văn bản QPPL, nhằm tháo gỡ khó khăn, bảo đảm thống nhất trong quá trình xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản QPPL tại địa phương.

1.2. Về xác định phạm vi thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND cấp tỉnh

Theo Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025, UBND cấp tỉnh được ban hành quyết định để quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương. Tuy nhiên, trong thực tiễn xây dựng, thẩm định văn bản, việc xác định phạm vi các biện pháp thuộc thẩm quyền quy định của UBND cấp tỉnh còn gặp khó khăn, nhất là đối với những nội dung pháp luật chuyên ngành đã quy định về trình tự, thủ tục, điều kiện thực hiện nhưng chưa quy định cụ thể về cơ chế phối hợp hoặc biện pháp tổ chức thực hiện tại địa phương.

Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể về phạm vi, giới hạn thẩm quyền quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh; làm rõ việc phân biệt giữa quy định biện pháp quản lý nhà nước với việc quy định lại, bổ sung điều kiện, trình tự, thủ tục đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh, nhằm bảo đảm thống nhất trong công tác xây dựng và thẩm định văn bản QPPL.

1.3. Về việc nâng cao hiệu quả, tiết kiệm kinh phí trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Hiện nay, vẫn còn tình trạng các cơ quan, đơn vị đề xuất ban hành nhiều văn bản riêng biệt để quy định các nội dung tương đồng, trong khi có thể xem xét xử lý trong cùng một văn bản, nhất là đối với việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản hoặc quy định về phân cấp. Tuy nhiên, hiện nay pháp luật chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc kết hợp các nội dung có liên quan, thuộc cùng lĩnh vực để quy định trong một văn bản QPPL, nhằm hạn chế việc ban hành nhiều văn bản riêng lẻ, phát sinh chi phí không cần thiết. Thực tiễn tại địa phương, Sở Tư pháp đã khuyến nghị các cơ quan, đơn vị rà soát, tổng hợp các nội dung có liên quan để đề xuất xây dựng văn bản theo hướng thống nhất, tiết kiệm, hiệu quả. Tuy nhiên, do chưa có cơ sở pháp lý cụ thể nên việc thực hiện chủ yếu mang tính khuyến nghị.

Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp trao đổi, hướng dẫn về nguyên tắc và điều kiện kết hợp nhiều nội dung có liên quan, cùng lĩnh vực trong cùng một văn bản QPPL nhằm tạo thuận tiện trong việc tổ chức thực hiện.

2. Lĩnh vực tổ chức thi hành pháp luật

2.1. Về phương pháp, tiêu chí đánh giá tình hình tổ chức thi hành pháp luật

Theo quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP của Chính phủ, việc đánh giá tình hình tổ chức thi hành pháp luật không chỉ phải xem xét các hoạt động triển khai như ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật mà còn phải đánh giá thực chất tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành văn bản QPPL; tính chính xác, thống nhất trong áp dụng pháp luật; mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân; đồng thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, bất cập của các quy định pháp luật trong thực tiễn. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, việc thu thập thông tin, số liệu và đánh giá các nội dung nêu trên còn gặp nhiều khó khăn.

Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu ban hành hướng dẫn cụ thể về phương pháp, tiêu chí và bộ chỉ số đánh giá tình hình tổ chức thi hành văn bản QPPL, trong đó chú trọng các tiêu chí phản ánh kết quả, mức độ tuân thủ, tính khả thi và hiệu quả thực tế của văn bản trong đời sống xã hội; đồng thời hướng dẫn thống nhất việc thu thập, khai thác thông tin, số liệu làm cơ sở đánh giá, qua đó nâng cao chất lượng công tác tổ chức thi hành pháp luật và kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý những bất cập của hệ thống pháp luật.

2.2. Về thẩm quyền kiểm tra văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật

Theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), thẩm quyền kiểm tra văn bản có dấu hiệu chứa QPPL của chính quyền địa phương cấp tỉnh, văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL đối với văn bản QPPL của chính quyền địa phương cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, văn bản có dấu hiệu chứa QPPL của UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh thuộc Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Quy định này dẫn đến khó khăn trong thực tiễn khi phát hiện các văn bản có dấu hiệu chứa QPPL nhưng không được ban hành đúng hình thức của UBND cấp tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Mặc dù Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác kiểm tra văn bản, có điều kiện nắm bắt, phát hiện những dấu hiệu bất thường trong quá trình tham mưu, ban hành văn bản tại địa phương, nhưng chưa được giao thẩm quyền kiểm tra theo thẩm quyền đối với loại văn bản này. Do đó chưa tạo được cơ chế chủ động, kịp thời trong việc kiểm soát và xử lý các văn bản có dấu hiệu chứa QPPL được ban hành không đúng hình thức.

Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 20 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP theo hướng giao UBND cấp tỉnh thẩm quyền kiểm tra đối với văn bản do các cơ quan, người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý ban hành có dấu hiệu chứa QPPL nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL.

3. Lĩnh vực hộ tịch

3.1. Về rà soát, chuẩn hóa và khai thác dữ liệu hộ tịch điện tử

Qua quá trình khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và giải quyết TTHC vẫn còn tình trạng thông tin giữa hai cơ sở dữ liệu chưa thống nhất, còn sai lệch hoặc chưa được cập nhật đầy đủ, kịp thời. Đáng chú ý, thông tin về tình trạng hôn nhân của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại một số trường hợp chưa được cập nhật theo các sự kiện hộ tịch đã đăng ký, như kết hôn, ly hôn hoặc thay đổi tình trạng hôn nhân khác. Do đó, thông tin tra cứu trên hệ thống chưa phản ánh đúng tình trạng hôn nhân thực tế của công dân. Có trường hợp mặc dù công dân đã thực hiện đăng ký kết hôn hoặc ly hôn nhưng thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa được cập nhật tương ứng, dẫn đến phải kiểm tra, đối chiếu với dữ liệu hộ tịch, giấy tờ do công dân cung cấp hoặc xác minh với cơ quan có liên quan. Việc này làm phát sinh thêm thời gian xử lý, chưa bảo đảm khai thác, sử dụng thống nhất và hiệu quả dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan có liên quan rà soát, hoàn thiện cơ chế cập nhật, đối soát thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đảm bảo thống nhất, liên thông, chính xác.

3.2. Về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan đăng ký hộ tịch và cơ sở y tế

Việc trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan đăng ký hộ tịch với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong đăng ký khai sinh, khai tử chưa được triển khai đồng bộ, đầy đủ trên thực tế. Việc đăng ký khai sinh, khai tử tại nhiều trường hợp vẫn dựa chủ yếu vào giấy chứng sinh, giấy báo tử hoặc giấy tờ do người dân cung cấp; dữ liệu phát sinh tại cơ sở y tế chưa được chuyển tự động, đầy đủ và kịp thời đến cơ quan đăng ký hộ tịch.

Đối với đăng ký khai tử, thông tin về nguyên nhân tử vong và các dữ liệu chuyên môn liên quan có ý nghĩa quan trọng đối với công tác thống kê dân số, y tế và hoạch định chính sách. Tuy nhiên, việc chuẩn hóa biểu mẫu, quy trình cung cấp, tiếp nhận và khai thác dữ liệu giữa ngành Y tế và ngành Tư pháp vẫn cần tiếp tục hoàn thiện; thông tin liên hệ, đầu mối phối hợp và cơ chế phản hồi khi dữ liệu có sai lệch chưa được vận hành thống nhất.

Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Y tế thống nhất chuẩn dữ liệu, quy trình truyền nhận và triển khai kết nối giữa hệ thống thông tin của cơ sở y tế với hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch; ưu tiên chia sẻ dữ liệu điện tử của giấy chứng sinh, giấy báo tử do cơ sở y tế cấp để cơ quan đăng ký hộ tịch có thể tra cứu, sử dụng khi giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh, khai tử.

3.3. Về giải quyết các việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài, đặc biệt trường hợp người có hai quốc tịch

Trong thực tiễn giải quyết hộ tịch có yếu tố nước ngoài, có trường hợp người yêu cầu đồng thời có quốc tịch Việt Nam và quốc tịch nước ngoài, giấy tờ hộ tịch hoặc giấy tờ nhân thân do cơ quan nước ngoài cấp thể hiện họ, tên khác với thông tin trong giấy tờ hộ tịch Việt Nam. Khi người yêu cầu đề nghị thay đổi họ, chữ đệm, tên tại Việt Nam để thống nhất với giấy tờ nước ngoài, cơ quan đăng ký hộ tịch phải xem xét đồng thời căn cứ, điều kiện thay đổi hộ tịch theo pháp luật Việt Nam, giá trị pháp lý của giấy tờ nước ngoài và quy định về quyền có họ, tên của cá nhân.

Đặc biệt, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định tên của công dân Việt Nam phải bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam; không đặt tên bằng số, bằng một ký tự mà không phải là chữ. Trong khi đó, tên được ghi nhận trong giấy tờ nước ngoài không đáp ứng được yêu cầu của Bộ luật Dân sự.

Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn nghiệp vụ thống nhất để vừa bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có hai quốc tịch, vừa bảo đảm nguyên tắc áp dụng pháp luật Việt Nam đối với thông tin hộ tịch được đăng ký tại Việt Nam.

3.4. Về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và kết nối các hệ thống phần mềm

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, Sở Tư pháp và các cơ quan tư pháp ở địa phương còn gặp một số khó khăn liên quan đến việc vận hành, khai thác các hệ thống phần mềm dùng chung và phần mềm nghiệp vụ do Bộ Tư pháp triển khai.

Một số hệ thống phần mềm (Hộ tịch điện tử, Hệ thống giải quyết TTHC ngành tư pháp, Phần mềm quản lý đấu giá tài sản) có thời điểm hoạt động chưa ổn định, phát sinh tình trạng không truy cập được, xử lý chậm hoặc gián đoạn trong quá trình thao tác. Khi xảy ra sự cố, công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương gặp khó khăn trong việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả cho người dân, tổ chức; trong khi việc khắc phục lỗi phụ thuộc vào đơn vị quản trị, vận hành hệ thống ở cấp trên.

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống giải quyết TTHC của Bộ Tư pháp với hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh, đặc biệt là hệ thống quản lý văn bản và điều hành, chưa được thực hiện đồng bộ. Do đó, trong quá trình trao đổi, tiếp nhận và xử lý thông tin, văn bản giữa các cơ quan, đơn vị, công chức có trường hợp phải thao tác trên nhiều hệ thống, thực hiện việc tải, gửi, cập nhật hoặc nhập lại thông tin thủ công; chưa hình thành được quy trình xử lý liên thông, khép kín, gây mất thời gian và khó khăn trong theo dõi tiến độ xử lý công việc.

Ngoài ra, một số hệ thống còn có những hạn chế về kỹ thuật như tốc độ truy cập chậm, quá tải vào thời điểm có nhiều người sử dụng, tự động thoát phiên làm việc, giới hạn dung lượng tệp đính kèm hoặc phát sinh lỗi trong quá trình tải hồ sơ lên hệ thống. Việc thanh toán trực tuyến, ghi nhận trạng thái giao dịch và đối soát phí, lệ phí giữa các hệ thống có thời điểm chưa chính xác, chưa kịp thời; công chức phải kiểm tra, đối chiếu thủ công để bảo đảm việc thu, nộp phí, lệ phí đúng thực tế.

Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC để phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

4. Lĩnh vực bổ trợ tư pháp

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Tư pháp, các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đang triển khai cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu công chứng dùng chung theo hình thức nhập thủ công. Tuy nhiên, mỗi hồ sơ công chứng phải nhập khoảng 20 - 25 trường thông tin, trong khi số lượng hồ sơ công chứng đã được tạo lập, lưu trữ qua các năm tương đối lớn, dẫn đến việc nhập liệu mất nhiều thời gian, nhân lực và tiềm ẩn nguy cơ sai sót, ảnh hưởng đến tiến độ chuyển đổi dữ liệu.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 02 tổ chức hành nghề công chứng sử dụng nền tảng UCHI và 01 Văn phòng công chứng sử dụng nền tảng VTS để quản lý, lưu trữ dữ liệu công chứng. Mặc dù dữ liệu đã được tạo lập, lưu trữ trên các nền tảng này nhưng việc chuyển đổi, tích hợp tự động vào Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung vẫn chưa thực hiện được. Do đó, các tổ chức hành nghề công chứng vẫn phải thực hiện nhập liệu thủ công, chưa tận dụng được nguồn dữ liệu đã có, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm nghiên cứu, có hướng dẫn thống nhất về yêu cầu kỹ thuật, quy trình và phương thức kết nối, chuyển đổi, tích hợp dữ liệu từ các nền tảng quản lý công chứng hiện có vào Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung; đồng thời, xem xét giải pháp cho phép các nền tảng đáp ứng điều kiện kỹ thuật được kết nối, chuyển đổi dữ liệu tự động, hạn chế việc nhập liệu thủ công, bảo đảm tính chính xác, đồng bộ, tiết kiệm thời gian, nguồn lực và phát huy hiệu quả dữ liệu công chứng đã được tạo lập, lưu trữ.

II. BÁO CÁO VỀ CÁCH LÀM HAY, SÁNG TẠO ĐÃ TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2026

Trong năm 2026, Sở Tư pháp Hà Tĩnh đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và đạt nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực công tác tư pháp. Trong đó, điểm nổi bật là việc tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035[1] nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị.

Để xây dựng Đề án, tỉnh đã chủ động nghiên cứu, đánh giá thực trạng, xác định những hạn chế, bất cập trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật để đề ra các nhiệm vụ, giải pháp mang tính tổng thể, lâu dài. Qua rà soát 1.127 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành giai đoạn 1991 - 2025, số văn bản quy định cơ chế, chính sách của tỉnh chiếm khoảng 15%. Để xác định những vấn đề cần ưu tiên, Sở Tư pháp đề nghị các sở, ngành, địa phương đánh giá vướng mắc và đề xuất nhu cầu hoàn thiện chính sách theo từng lĩnh vực, địa bàn.

Đề án xác định 06 nhóm nhiệm vụ, 22 giải pháp trọng tâm, gắn với trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện; qua đó tạo cơ sở để triển khai thống nhất các nhiệm vụ về xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao chất lượng tổ chức thi hành pháp luật, kịp thời phát hiện và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về pháp lý, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đề án gắn trách nhiệm đề xuất chính sách với chất lượng văn bản khi thi hành. Đối với chính sách có tác động lớn, tỉnh định hướng tham vấn ngay từ khâu đề xuất và nghiên cứu đặt hàng báo cáo phản biện độc lập để có thêm căn cứ lựa chọn phương án. Sau khi văn bản được ban hành, những vướng mắc được phản ánh nhiều lần, kéo dài hoặc có tác động lớn được tổng hợp vào danh mục ưu tiên xử lý của UBND tỉnh. Đến năm 2030, tỉnh phấn đấu giảm ít nhất 30% số văn bản phải sửa đổi, bổ sung trong 24 tháng đầu kể từ khi ban hành do bất cập về chính sách hoặc kỹ thuật soạn thảo. Đề án đồng thời xác định 09 văn bản khuyến nghị ưu tiên ban hành mới phục vụ các lĩnh vực phát triển trọng điểm.

Đây là bước cụ thể hóa quan trọng các chủ trương, định hướng của Trung ương về đổi mới tư duy xây dựng và thi hành pháp luật, đồng thời thể hiện quyết tâm của tỉnh trong việc tạo lập nền tảng pháp lý đồng bộ, minh bạch, khả thi, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

---

[1] Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 15/6/2026.

Đề án đang trong giai đoạn đầu triển khai và cần thêm thời gian để đánh giá hiệu quả của các giải pháp. Sở Tư pháp Hà Tĩnh kính gửi Bộ Tư pháp nội dung trên để tổng hợp, chia sẻ và **xin phép không đăng ký chuyên đề** trình bày tại Hội nghị lần này.

Trên đây là nội dung đề xuất thảo luận tại Hội nghị tổng kết công tác tư pháp năm 2026, Sở Tư pháp Hà Tĩnh kính gửi Bộ Tư pháp tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH HÀ TĨNH

Đinh Văn Hồng